

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò
2. Bà Hoàng Thị Gấm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc: Tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thanh N, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Khu S, xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Chu Văn L, sinh năm 1976 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu 10, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Hiện nay đang chấp hành án tại: Tổ 31, phân trại số 03, tại giam T - Bộ Công an.

Địa chỉ: Xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại bản tự khai cũng tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thanh N trình bày: Chị và anh Chu Văn L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ ngày 14/11/2000. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh L vi phạm pháp luật, phải đi chấp hành án tại trại giam T từ năm 2010 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng có một con chung là Chu Thị Nhật L, sinh ngày 09/10/2001, hiện nay đã trưởng thành lao động tự túc được nên chị không đề nghị việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/6/2021, anh Chu Văn L có quan điểm trình bày: Anh thừa nhận thời điểm kết hôn như chị N đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2010, anh vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án tại trại giam Tân Lập - Bộ Công an, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị N xin ly hôn thì anh cũng nhất trí, vì vợ chồng không còn tình cảm nên không thể có hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Chu Thị Nhật L, sinh ngày 09/10/2001, hiện nay đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung và công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng của vụ án: Kể từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55; của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thanh N và anh Chu Văn L.

Về con chung, tài sản chung, công nợ và công sức: Chị N và anh L không đề nghị xem xét, vì vậy, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, anh L hiện nay đang phải chấp hành án tại trại giam T; trong khi cả chị N và anh L đều đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N xin được ly hôn anh Chu Văn L thấy rằng:* Chị N và anh kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Phú Thọ ngày 14/11/2000, đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Trong khi đó, cả chị N và anh L đều có quan điểm nhất trí ly hôn. Xét thấy, quan điểm của anh L nhất trí ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Do đó, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh L.

[3]. *Về con chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và Công sức:*

3.1. *Về con chung:* Chị N và anh L có một con chung là Chu Thị Nhật L, sinh ngày 09/10/2001; hiện nay con chung đã thành niên, lao động tự túc được nên Tòa án không giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3.2. *Về Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị N và anh L không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. *Về án phí:* Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thanh N và anh Chu Văn L.

2. *Về án phí:* Chị Bùi Thanh N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003906 ngày 27/4/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Bùi Thanh N có mặt được quyền kháng cáo. Anh Chu Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho anh L hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã L;
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hán Hưởng